**PHIẾU HỌC TẬP**

**BÀI 2. AN TOÀN TRONG PHÒNG THỰC HÀNH**

**Câu 1.** Tác dụng chung của các kí hiệu cảnh báo trong hình 2.1 là gì?

**Đáp án:** Tác dụng để giúp chủ động phòng tránh và giảm thiểu các rủi ro, nguy hiểm trong quá trình làm thí nghiệm.

**Câu 2.** Ý nghĩa của mỗi kí hiệu cảnh báo trong hình 2.1 là gì?

**Đáp án:** Ý nghĩa các kí hiệu cảnh báo gồm: Chất dễ cháy, chất độc, nguồn điện nguy hiểm, dụng cụ sắc nhọn, thủy tinh dễ vỡ, nhiệt độ cao.

**Câu 3.** Tại sao lại sử dụng kí hiệu cảnh báo thay cho mô tả bằng chữ?

**Đáp án:** Sử dụng kí hiệu cảnh báo thay cho mô tả bằng chữ vì kí hiệu cảnh báo có hình dạng và màu sắc riêng biệt giúp người xem dễ nhận biết.

**Câu 4.** Em hãy cho biết mỗi biển báo trong hình 2.2 có ý nghĩa gì? Cả 3 biển báo này có đặc điểm gì chung?

**Đáp án:**

- Ý nghĩa:

a) Không uống nước từ nguồn lấy trong phòng thực hành.

b) Cấm lửa.

c) Không ăn uống trong phòng thực hành (VD1).

- Đặc điểm chung của 3 biên bản: *Màu đỏ nghĩa là cấm thực hiện* (VD2).

**Câu 5.** Những điều cần phải làm trong phòng thực hành, giải thích?

**Đáp án:**

- Mặc trang phục gọn gàng, nữ buộc tóc cao, đeo găng tay, khẩu trang, kính bảo vệ mắt và thiết bị bảo vệ khác (nếu cần thiết).

- Chỉ tiến hành thí nghiệm khi có người hướng dẫn.

- Nhận biết các vật liệu nguy hiểm trước khi làm thí nghiệm (vật sắc nhọn, chất dễ cháy nổ, chất độc, nguồn điện nguy hiểm,...).

**Câu 6.** Những điều không được làm trong phòng thực hành, giải thích?

**Đáp án:**

- Không ăn uống, đùa nghịch trong phòng thí nghiệm; không nếm hoặc ngửi hoá chất.

**Câu 7.** Sau khi tiến hành xong thí nghiệm cần phải làm gì?

**Đáp án:**

- Sau khi làm xong thí nghiệm, thu gom chất thải để đúng nơi quy định, lau dọn sạch sẽ chỗ làm việc; sắp xếp dụng cụ gọn gàng, đúng chỗ; rửa sạch tay bằng xà phòng.

**Câu 8.** Tại sao cần đeo kính bảo vệ mắt, đeo găng tay và mặc áo choàng (nếu có) khi làm thí nghiệm với hoá chất?

**Đáp án:**

- Cần phải đeo kính bảo vệ (làm bằng thuỷ tinh hữu cơ) để che chở cho mắt và các bộ phận quan trọng khác trên gương mặt. (VD1)

- Đeo găng tay và mặc áo choàng để tránh việc tiếp xúc trực tiếp các chất độc hại, chất dễ ăn mòn (l: acid đặc, kiềm đặc, kim loại kiềm, phosphorus trắng, Phenol,...), tránh các hoá chất văng vào người khi thao tác (VD1)

**Câu 9.** a) Tại sao chúng ta cần phân biệt được những kí hiệu cảnh báo nguy hiểm trong phòng thực hành?

b) Hãy chỉ ra nội dung cảnh báo về *chất độc, chất ăn mòn, chất độc sinh học, điện cao thế,* ứng với mỗi kí hiệu trong hình.

**Đáp án:**

a) Chúng ta cần tuân thủ những nội quy, quy định trong phòng thực hành để phòng tránh rủi ro khi sử dụng, làm việc và đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

b) Ý nghĩa các kí hiệu:

a) Nguy hiểm về điện.

b) Chất ăn mòn.

c) Chất độc.

d) Chất độc sinh học (VD1)

**Câu 10.** Hoàn thành bảng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tình huống** | **An toàn** | **Không an toàn** |
| a) Thực hiện theo chỉ dẫn của giáo viên. Báo cáo với giáo viên ngay nếu thấy mối nguy hiểm (sự bất thường, làm nứt, vỡ dụng cụ thủy tinh, đổ tràn hóa chất ra bàn,…) | x |  |
| b) Dùng tay kiểm tra mức độ nóng cùa vật khi đang đun. |  | x |
| c) Ngửi hoặc nếm để tìm hiểu xem hoá chất có mùi, vị lạ không. |  | x |
| d) Đọc kĩ nhãn ghi trên mỗi lọ chứa hoá chất, cẩn thận khi làm thí nghiệm với các hoá chất có tính ăn mòn. Rửa tay kĩ sau khi xử lí hoá chất. | x |  |
| e) Cẩn thận khi cầm đồ thuỷ tinh, dao và các dụng cụ sắc nhọn khác. | x |  |
| g) Luôn rửa tay bằng xà phòng sau khi chạm vào thực vật hoặc động vật. | x |  |
| h) Dọn dẹp và cất thiết bị sau khi hoàn thành thí nghiệm. Vứt bỏ chất thải thí nghiệm đúng nơi quy định. | x |  |